

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 /5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hòa; bà Trương Thị Hồng Xuân.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Anh Q - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ngõ Đồng Lực, đường HT, phường BD, thành phố TH, TH. Có mặt.

Bị đơn : Chị Bùi Thị L; Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Khu phố 2, Tân Sơn, thị trấn K, huyện TT, TH. Có mặt.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2021, bản tự khai ngày 17/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Anh Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Vũ Anh Q và chị Bùi Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Kim (Nay là UBND thị trấn K), huyện TT, tỉnh TH vào ngày 15/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà anh Q ở phường BD, thành phố TH, cuộc sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, chị L đã về nhà mẹ đẻ tại thị trấn K, huyện TT sinh sống từ tháng 03/2012, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho anh Q được ly hôn chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Bùi Anh Q1 (Giới tính: Nam), sinh ngày: 07/11/2012. Khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng giao cháu Q1 cho chị

Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, vì hiện nay anh là nạn nhân chất độc màu da cam không tự nuôi sống bản thân mà phải sống nhờ vào tiền trợ cấp xã hội.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung. Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Vũ Anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Kim (Nay là UBND thị trấn K), huyện TT, tỉnh TH vào ngày 15/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn mẹ chồng con dâu và mâu thuẫn giữa chị L và em chồng. Anh Q không quan tâm đến chị L, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị L đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3/2012 đến nay và cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, qua thời gian sống ly thân chị L thấy cháu Vũ Bùi Anh Q1 rất thiếu thôn tình cảm của người bố và mâu thuẫn của vợ chồng không lớn nên chị L đề nghị TAND huyện TT giải Q cho vợ chồng được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Bùi Anh Q1 (Giới tính: nam), sinh ngày: 07/01/2012. Vì không muốn ly hôn nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của mình; chị L yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Anh Q và yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ; về con chung, chị L yêu cầu anh Q đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/1 tháng, thời gian đóng góp tiền nuôi con tính từ khi sinh cháu Q1 (07/11/2012) cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Điều 48, 96, 97 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Anh Q đối với chị Bùi Thị L.

- Về con chung: Do anh Vũ Anh Q là người khuyết tật, không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Bùi Anh Q1 nên giao cháu Q1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Q không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị L.

- Về tài sản: Anh Q, chị L không có tài sản chung, nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Vũ Anh Q là người khuyết tật nên căn cứ Điều 12 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải Q về ly hôn đối với chị Bùi Thị L. Chị L cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Vũ Anh Q và chị Bùi Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Kim (Nay là UBND thị trấn K), huyện TT, tỉnh TH. Như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thành phố TH, cuộc sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do quan hệ mẹ chồng nàng dâu và anh Q không quan tâm tới chị L, chị L đã về quê tại huyện TT sinh sống từ tháng 3 năm 2012 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đề nghị tòa án giải Q cho anh được ly hôn chị L; chị L đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy: Chị L cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị vẫn còn yêu thương anh Q; trong quá trình giải Q vụ án chị L đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Q. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng hai bên không có tiếng nói chung; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 10 năm nhưng hai người không ai quan tâm đến ai; kể từ khi anh Q làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đến nay, chị L cũng không qua lại thăm hỏi, chăm sóc anh Q, cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Q đối với chị L là có đủ cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Q và chị L thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Bùi Anh Q1 (Giới tính: nam), sinh ngày: 07/11/2012. Vì không muốn ly hôn nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q đề nghị giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị L.

Hội đồng xét xử thấy: Anh Q là người bị nhiễm chất độc màu da cam, không có khả năng tự nuôi sống bản thân mà phải nhờ vào tiền trợ cấp xã hội, không có nguồn thu nhập nào khác, vì vậy việc đóng góp tiền nuôi con chung là không thể thực hiện. Chị L đã trực tiếp nuôi cháu Q1 từ tháng 11 năm 2012 đến nay, cháu Q1 phát triển bình thường về mọi mặt. Do đó để đảm bảo cuộc sống cho cháu Vũ Bùi Anh Q1 được ổn định, nên tiếp tục giao cháu Q1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Q không có thu nhập, không có khả năng lao động nên không buộc anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh Vũ Anh Q và chị Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Anh Q là người khuyết tật và có đơn xin miễn tiền án phí sơ thẩm, do đó căn cứ Điều 12 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh quyết.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Anh Q được ly hôn chị Bùi Thị L.

2. Về con chung: Công nhận anh Vũ Anh Q và chị Bùi Thị L có một con chung, tên là Vũ Bùi Anh Q1 (Giới tính: nam), sinh ngày: 07/11/2012. Khi ly hôn giao cháu Vũ Bùi Anh Q1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Anh Q không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị L.

Anh Vũ Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Anh Q là người khuyết tật nên miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Q, chị L. Anh Q, chị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND thị trấn K;
- TAND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Xuân

Bùi Văn Tuấn

Bùi Văn Hòa

